



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phân bón Quốc tế Âu Việt

Ngày 30/09/2025	15,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-6.7%	-

DT thuần Q3/25
93.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼96.2 -50.6%
YoY: ▼40.2 -30.0%

LN thuần Q3/25
2.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.22 10.4%
YoY: ▼1.43 -37.4%

LN sau thuế Q3/25
2.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.13 6.8%
YoY: ▼1.61 -44.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.7%
YoY: +/-▲ 1.3%

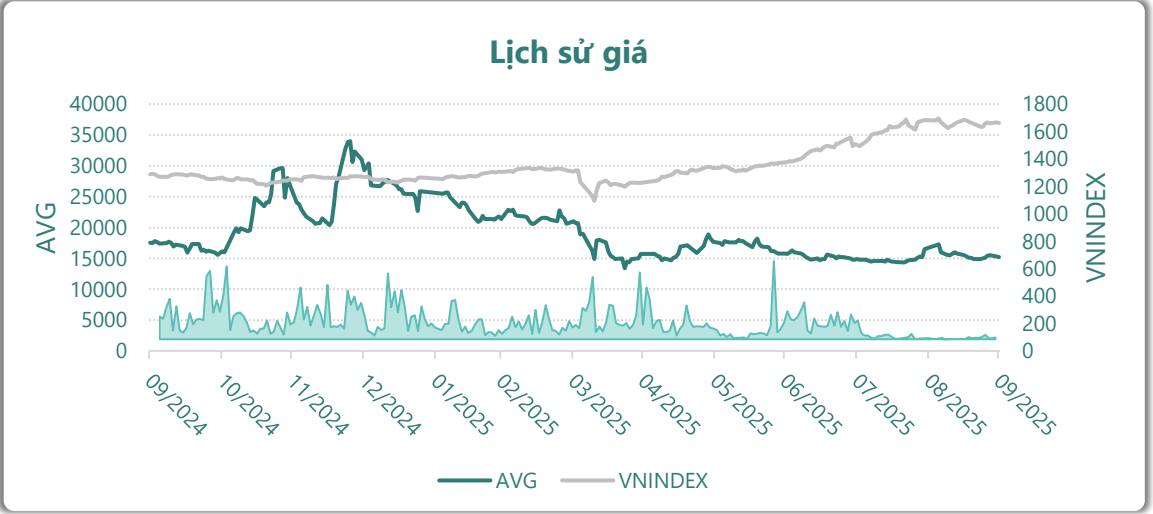
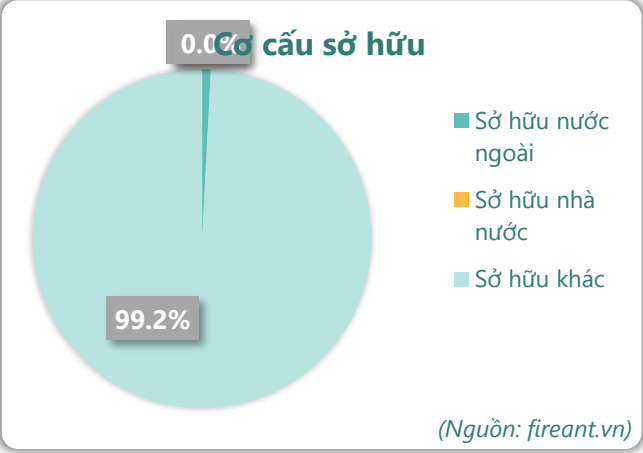
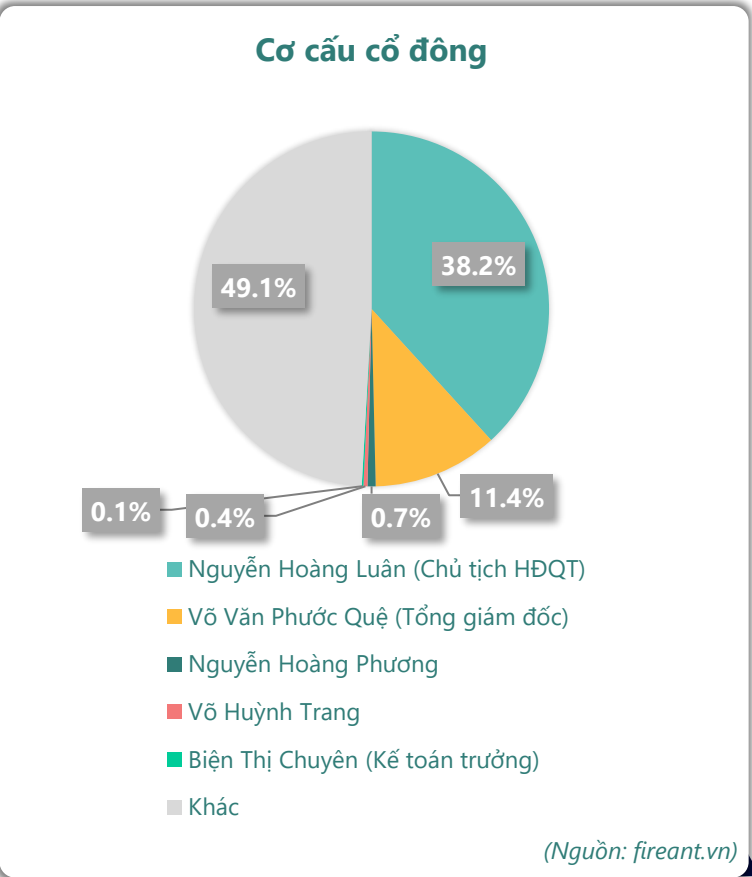
ROE (TTM) Q3/25
6.3%
YoY: +/-▼ 0.8%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,400 - 34,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	269
Số lượng CPLH (CP)	17,679,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)	232,895
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.69
EPS	823
P/E	18.5

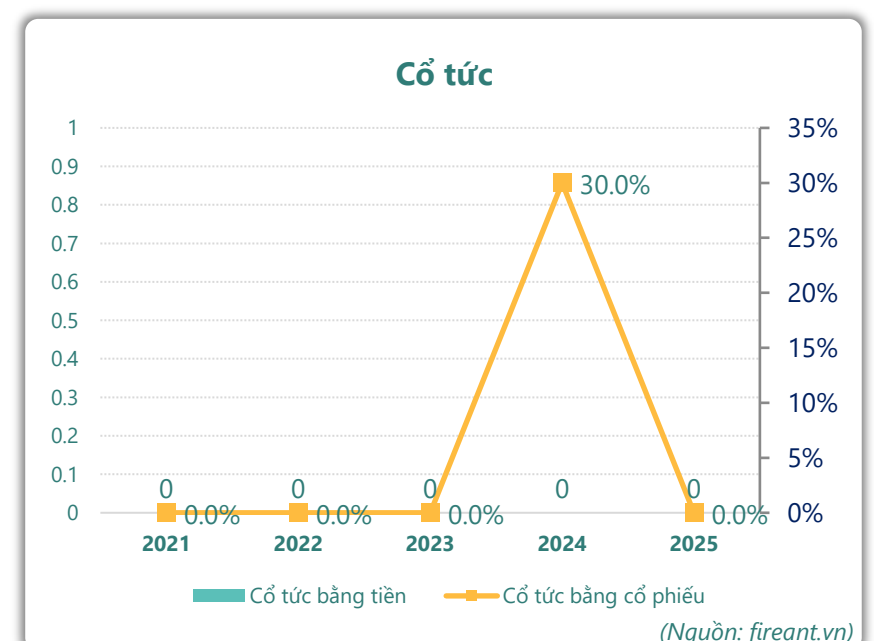
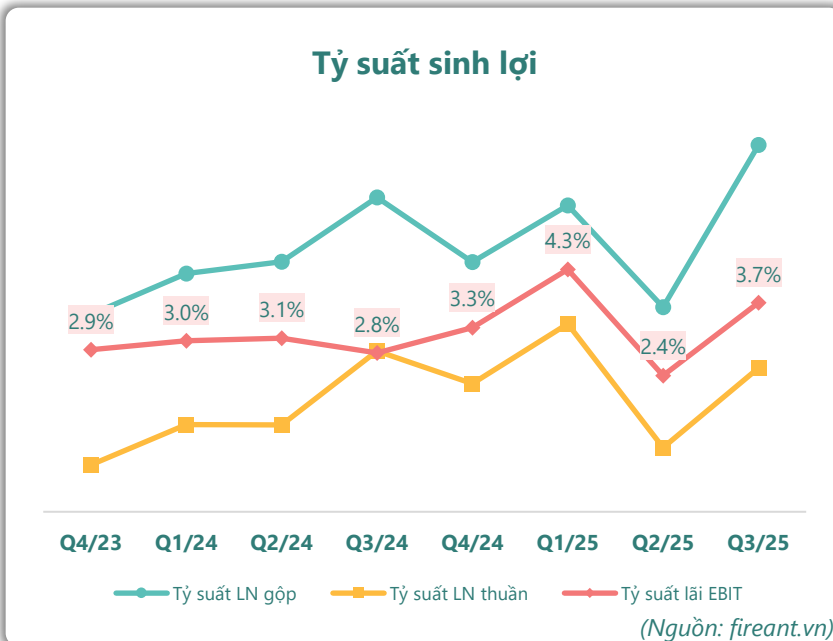
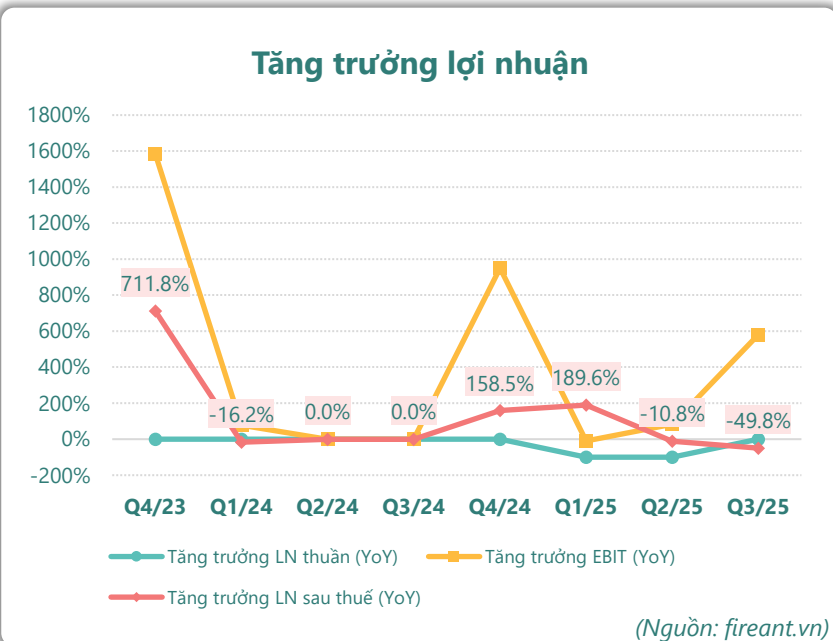
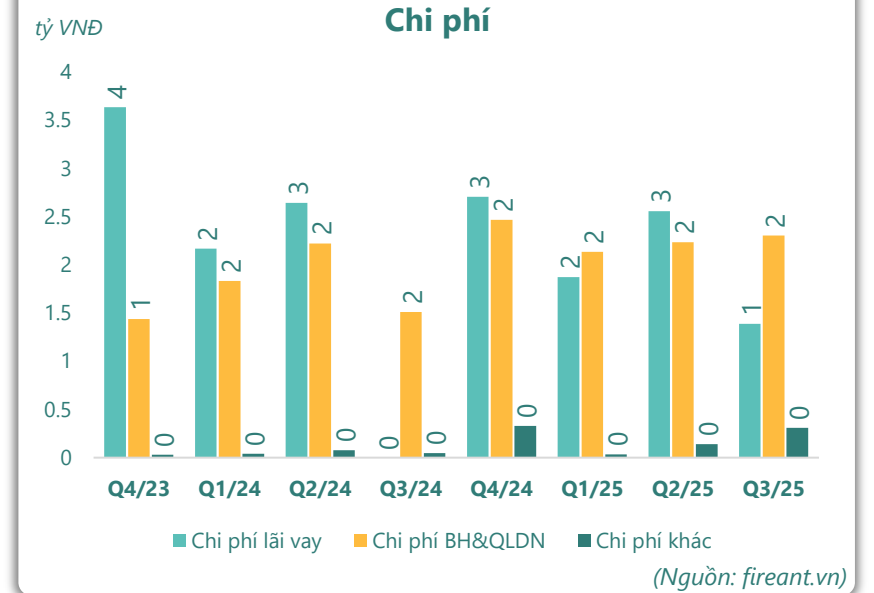
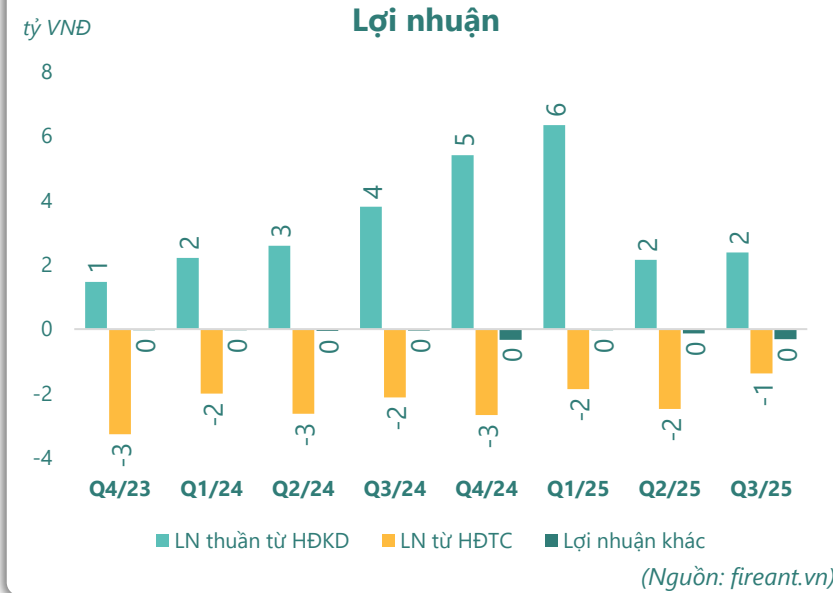
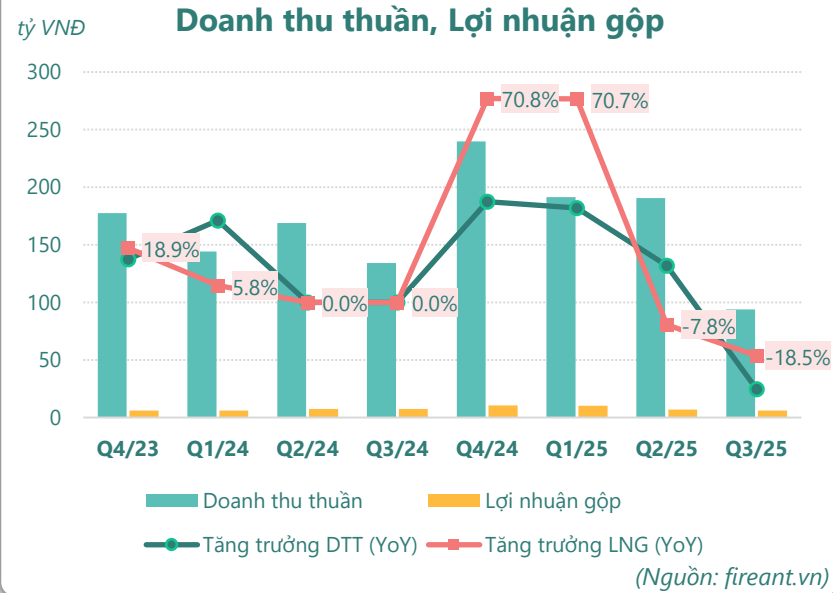
DT thuần 9T 2025
476
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0 6.3%

LN thuần 9T 2025
10.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.28 26.3%

LN sau thuế 9T 2025
9.86
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.82 22.6%



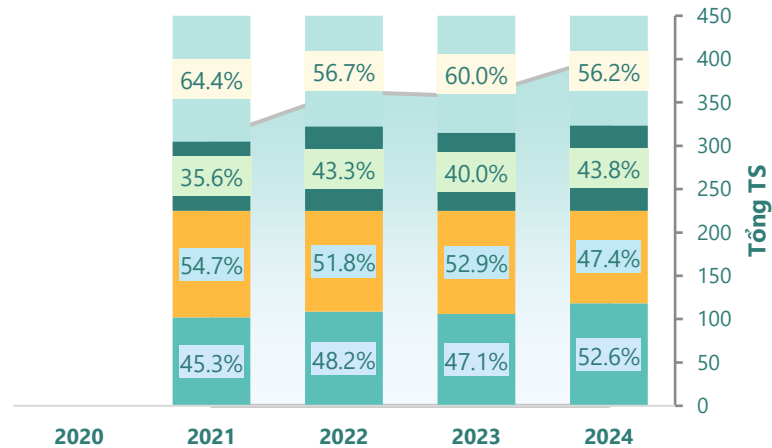
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

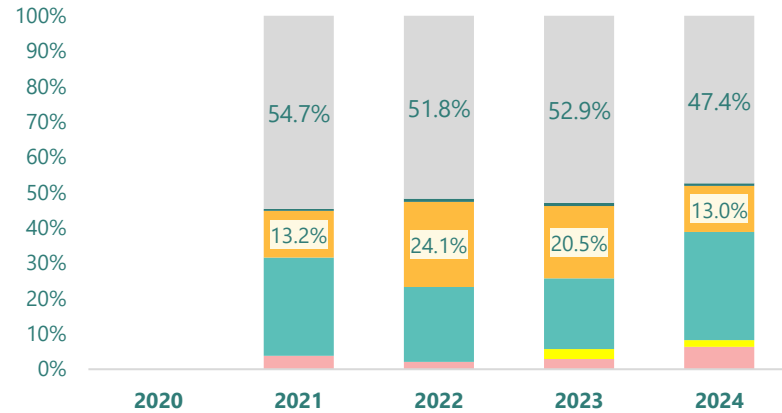
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

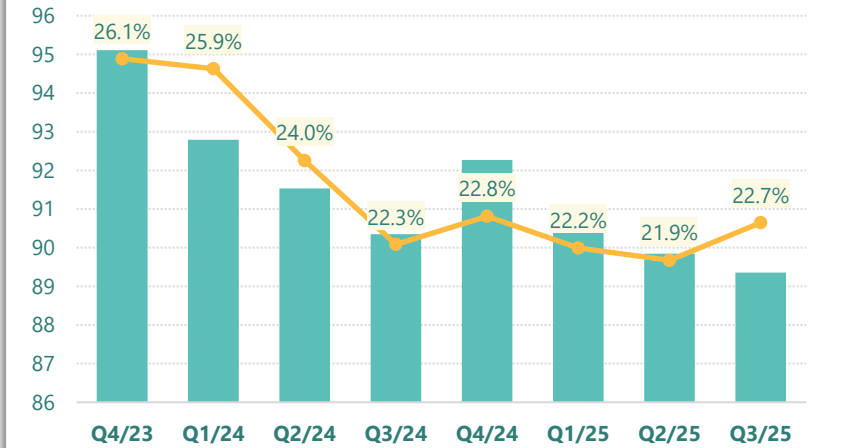


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

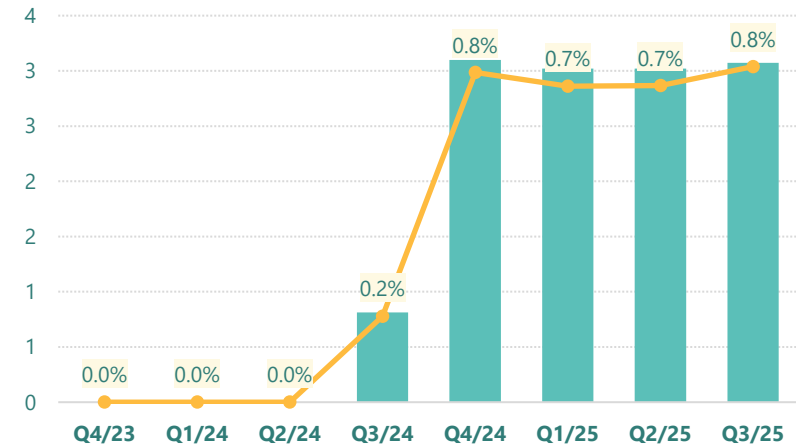


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

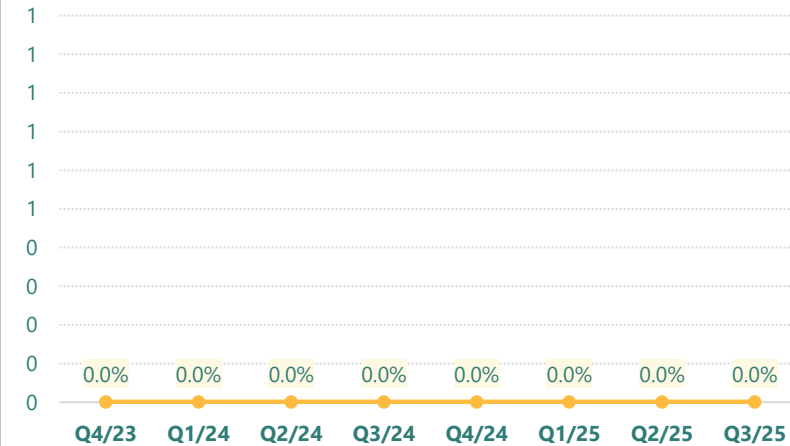


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

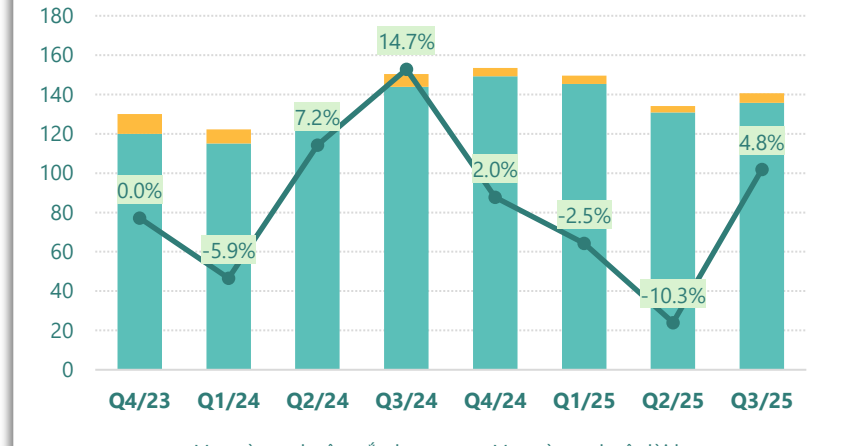


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

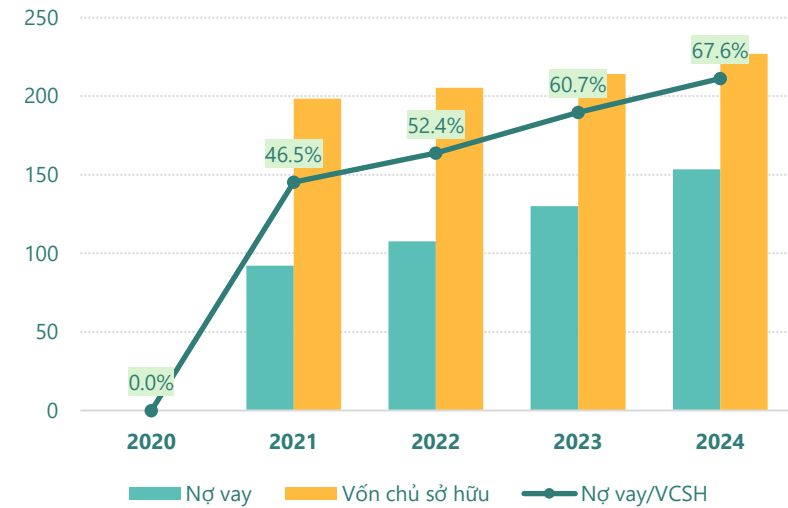
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

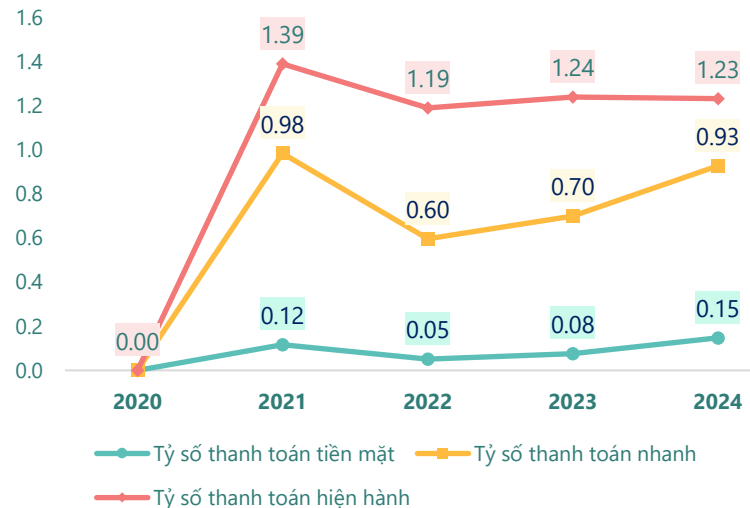
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



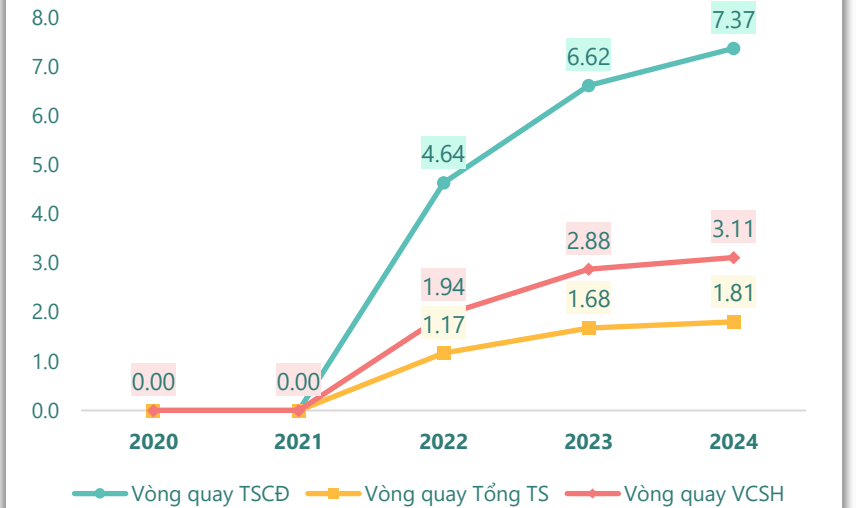
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



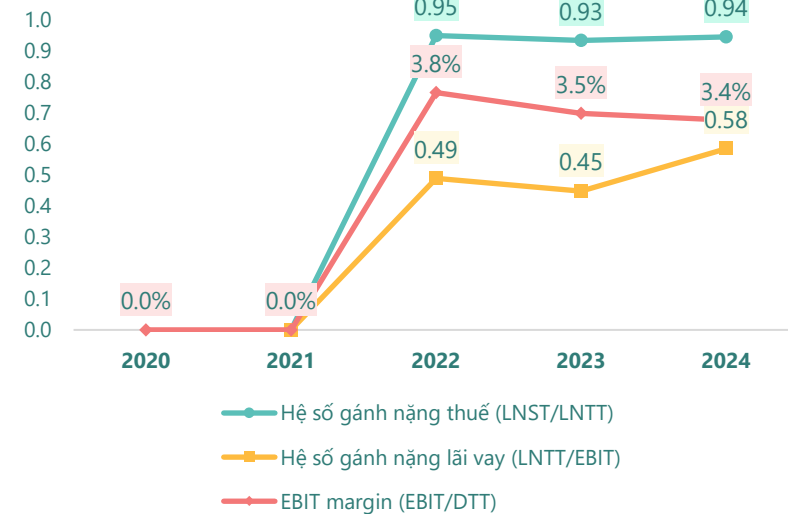
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



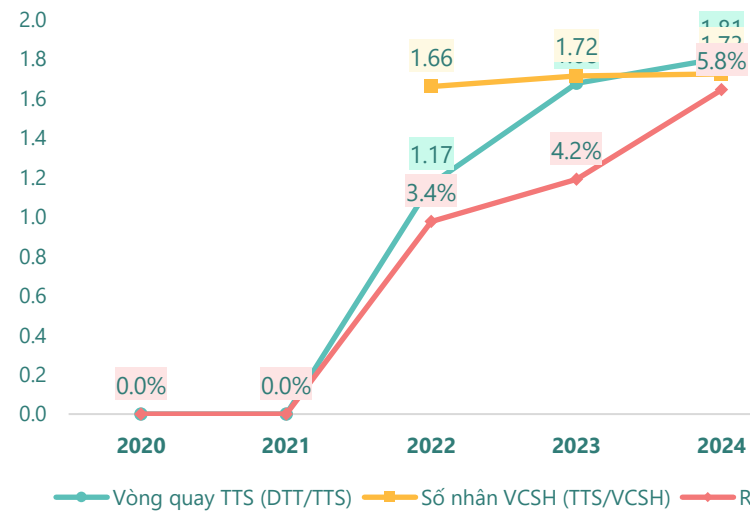
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



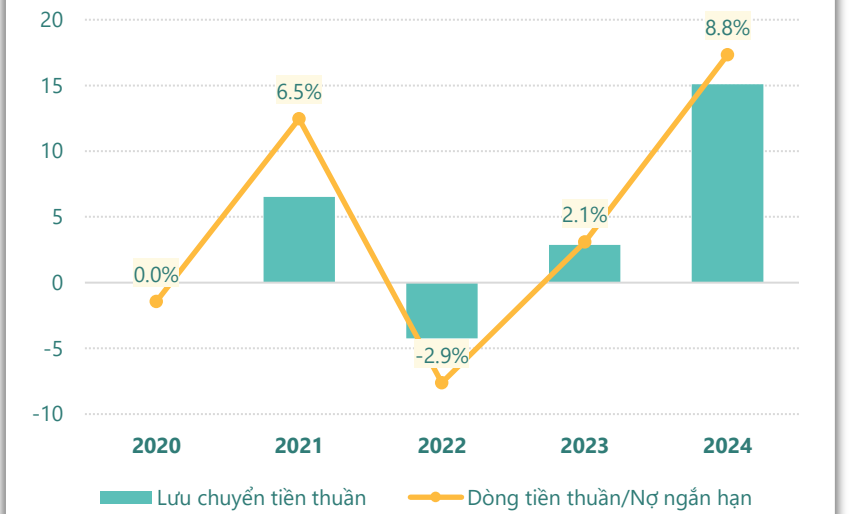
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	93.8	134	-30.0%	476	447	6.3%
Giá vốn hàng bán	87.8	127	-30.9%	452	426	6.1%
Lợi nhuận gộp	6.07	7.45	-18.5%	23.3	21.0	11.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-68.7%	0.09	0.17	-47.3%
Chi phí TC	1.39	2.14	-35.2%	5.82	6.95	-16.3%
Chi phí lãi vay	1.39	0.00		5.82	4.81	20.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.56	0.52	8.6%	1.94	1.44	35.0%
Chi phí QLDN	1.74	0.99	75.8%	4.73	4.13	14.6%
LN thuần từ HĐKD	2.38	3.81	-37.4%	10.9	8.62	26.3%
Lợi nhuận khác	-0.31	-0.05	-519%	-0.48	-0.14	-239%
LN trước thuế	2.07	3.76	-44.8%	10.4	8.48	22.7%
Lợi nhuận sau thuế	2.00	3.61	-44.7%	9.86	8.04	22.6%
LNST của CĐ cty mẹ	1.98	3.57	-44.7%	9.83	7.97	23.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.28	5.86	-5.43	11.1	-8.91	9.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.91	-13.9	7.86	-10.4	10.5	-0.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.82	19.3	3.07	-3.85	-15.4	6.45
Tiền đầu kỳ	10.0	8.67	19.9	25.4	22.3	8.37
Lưu chuyển tiền thuần	-1.38	11.2	5.50	-3.16	-13.9	15.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.67	19.9	25.4	22.3	8.37	23.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	393	404	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	208	212	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	23.5	25.4	-7.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.8	7.76	452%
Phải thu ngắn hạn	116	124	-6.3%
Hàng tồn kho	23.0	52.7	-56.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	3.01	-9.1%
Tài sản dài hạn	185	191	-3.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	89.4	92.3	-3.2%
Bất động sản đầu tư	74.9	77.6	-3.5%
Tài sản dở dang	3.07	3.07	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.1	18.4	-1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	157	177	-11.5%
Nợ ngắn hạn	151	172	-12.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	136	149	-9.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	20.9	-36.4%
Nợ dài hạn	5.23	4.61	13.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.83	4.20	14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	227	4.3%
Vốn chủ sở hữu	237	227	4.3%
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

